

Kiên Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Đề án “Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020” và giải pháp thực hiện giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 15-4-2021 của Tỉnh ủy Kiên Giang; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020”, đồng thời đề ra giải pháp thực hiện giai đoạn 2021-2025 với những nội dung cụ thể như sau:

Phần I

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 08-3-2016 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2015-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án “Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 24/3/2017, qua 5 năm thực hiện Đề án kết quả đạt được như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Thuận lợi

- Chủ trương xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quán triệt trong cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, có sự phối hợp chỉ đạo và tổ chức thực hiện giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ban, ngành của tỉnh, đặc biệt sự đồng thuận của nhân dân. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện về các nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các bậc học được phân bố ở 15/15 huyện, thành phố nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện được mục tiêu phổ cập giáo dục, góp phần thúc đẩy việc phát triển giáo dục đào tạo theo hướng bền vững.

- Các nguồn lực được quan tâm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục.

- ~~Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo về số lượng, nâng lên về~~ chất lượng, hằng năm được bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện các hoạt động giáo dục.

- Tạo điều kiện huy động học sinh đến trường đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, thúc đẩy công tác xã hội hóa giáo dục đạt kết quả khả quan.

2. Khó khăn

- Các văn bản hướng dẫn có liên quan đến việc thực hiện đánh giá, kiểm định, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, có nhiều thay đổi theo hướng nâng cao, từ đó ảnh hưởng đến việc kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, nhất là công nhận lại.

- Nguồn lực đầu tư cho việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt còn hạn chế, từ đó dẫn đến các điều kiện như: diện tích đất, xây dựng các phòng chức năng, phòng học bộ môn và các công trình phụ trợ khác gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình thiếu giáo viên, một số vị trí như kế toán, thư viện, thiết bị, văn thư...; sĩ số học sinh/lớp và số lớp/trường vượt quy định gây khó khăn cho việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt.

- Công tác xã hội hóa giáo dục còn gặp nhiều khó khăn, chưa xây dựng được cơ chế huy động sự đóng góp của nhân dân nhằm tăng cường cơ sở vật chất trường học, một số nơi còn có biểu hiện trông chờ vào sự đầu tư Nhà nước.

- Nhận thức về công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia của một số cấp ủy, chính quyền địa phương và một số cán bộ quản lý giáo dục còn hạn chế; chưa có chính sách, giải pháp quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

3. Kết quả thực hiện

3.1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt

- Đã chỉ đạo, tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện các văn bản liên quan đến đề án “Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020”.

- Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng quy trình thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia cho toàn tỉnh. Theo đó, mỗi cơ sở giáo dục thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Đề án đều có kế hoạch xây dựng mục tiêu, lộ trình kiểm định chất lượng, đánh giá công nhận trường đạt chuẩn, duy trì trường chuẩn và nâng mức đạt chuẩn. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức sơ kết 3 năm và tổng kết 5 năm thực hiện Đề án, nhằm đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp thực hiện cho phù hợp và đạt mục tiêu của Đề án đã đề ra.

- Phát động trong toàn Ngành phát huy nội lực, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng và phát triển trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, trường chuyên biệt. Tập trung huy động các nguồn lực, đầu tư nhân lực và vật lực cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện thắng lợi mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong tình hình mới. Qua đó, mỗi địa phương xác định được việc xây dựng hệ thống trường chuẩn, trường trọng điểm, trường chuyên biệt (nếu có) trên địa bàn là rất quan trọng; chỉ đạo 100% các cơ sở giáo dục tổ chức rà soát, đánh giá điều kiện của đơn vị, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, cụ thể hóa các tiêu chí qui định trường đạt chuẩn quốc gia, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho học sinh và tạo ra động lực mạnh mẽ, huy động cả hệ thống chính trị vào sự nghiệp nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh nhà.

3.2. Thực hiện các chỉ tiêu

- Trường đạt chuẩn quốc gia: Tính đến nay, toàn tỉnh đã công nhận mới 118 trường (chỉ tiêu 188 trường), đạt 62,73% so với chỉ tiêu, nâng tổng số trường đạt chuẩn toàn tỉnh là 290, đạt trên 46,85%. Qua việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, các trường học đã được đầu tư, nâng chất lượng về mọi mặt từ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đến đổi mới các hoạt động giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Những trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đã có tác dụng lan tỏa trong cộng đồng, tạo được niềm tin của xã hội đối với chất lượng giáo dục của tỉnh. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trong thời gian qua đã góp phần tạo điều kiện tốt cho việc học tập của học sinh nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

- Trường trọng điểm: Xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, nhu cầu chọn trường, chọn lớp cho con của phụ huynh đang ngày càng tăng lên... Thực hiện mục tiêu xây dựng trường trọng điểm, các địa phương đã chú trọng chọn các trường tại địa bàn trung tâm huyện, thành phố, tập trung nhiều nguồn lực (trong đó nguồn xã hội hóa ngày càng tăng) để đầu tư cải thiện cơ sở vật chất, môi trường giáo dục, đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy; thực hiện các mô hình giáo dục tích cực; phối hợp tốt với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, chung tay đầu tư, nâng cấp, cải thiện môi trường, điều kiện dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút nhiều học sinh khá, giỏi vào các trường tại trung tâm huyện, thành phố. Qua đó, nhiều trường tại các địa bàn này nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo niềm tin về chất lượng giáo dục trong xã hội.

- Trường chuyên biệt: Toàn tỉnh có 07 trường chuyên biệt, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (01 trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt, 01 trường phổ thông DTNT THPT, 05 trường DTNT THCS). Thời gian qua



Ngành Giáo dục và Đào tạo đã có đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường các trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Đến nay có 04 trường đạt chuẩn quốc gia, 03 trường đang thực hiện.

Kết quả thực hiện cụ thể mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt (*Theo phụ lục 01 đính kèm*).

3.3. Xây dựng các điều kiện phục vụ phát triển giáo dục

- Toàn tỉnh có 651 cơ sở giáo dục (MN: 138; TH: 294; THCS: 169; THPT: 50). Toàn Ngành hiện có 22.405 cán bộ, giáo viên và nhân viên (CBQL 1.498, GV 18.903, NV 2.004); Trong đó, Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý là: 3.265 người (CBQL 205, GV 2.896, NV 164); tính tới thời điểm hiện tại, công chức, viên chức toàn Ngành đạt chuẩn 99,3%, trong đó, trên chuẩn: CBQL 91%, giáo viên 72% (mầm non 65,77 %; tiểu học 92,41%, THCS 82,10%, THPT 7,46%). Nhìn chung, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện tại đáp ứng được nhu cầu thực tế; các chuyên ngành đào tạo đều thiết thực, mang lại hiệu quả cao; cơ cấu chuyên ngành hợp lý và có tính kế thừa; cán bộ, công chức, viên chức sau khi học tập đều phát huy được năng lực chuyên môn, ứng dụng thực tế vào công việc; nhiều Nhà giáo có trình độ lý luận chính trị cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 2016 đến nay, đã kết nạp 2.761 đảng viên; nâng tổng số đảng viên của toàn Ngành là 14.259, chiếm tỷ lệ 63,64% so với công chức, viên chức toàn Ngành.

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt: 2.168.050 triệu đồng/1.621.789 triệu đồng của Đề án. Trong đó: nguồn ngân sách 1.360.111 triệu đồng, nguồn xổ số kiến thiết 720.102 triệu đồng, nguồn vốn ODA 56.437 triệu đồng, nguồn chương trình mục tiêu 31.400 triệu đồng. Ngoài ra từ nguồn xã hội hóa giáo dục trên 296.941 triệu đồng và 20.000.000m² đất của người dân hiến, đã xây dựng được 3.615 phòng, trong đó: số phòng học xây mới 2.037 phòng, phòng học bộ môn xây 131 phòng, nhà vệ sinh xây mới 128 và cải tạo sửa chữa 1.319 phòng học, đồng thời hàng năm Ngành đã cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên lồng ghép mua sắm sách, thiết bị, dạy học đảm bảo các nhu cầu tối thiểu cho dạy và học; trong đó các trường dân tộc nội trú, các trường chuẩn quốc gia từng bước được ưu tiên đầu tư.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh ở các cơ sở giáo dục đều có xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ. Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường đã hoạt động theo đúng quy định trong điều lệ trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công tác kết hợp giáo dục học sinh và huy động xã hội hóa giáo dục thực hiện thường xuyên, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn gắn bó và hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong nhiều hoạt động. Theo đó, trong những

năm qua, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được nâng cao, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện.

3.4. Chất lượng dạy và học

Chất lượng dạy và học của các trường phổ thông đã có những chuyển biến theo hướng tích cực. Tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học cuối năm học 2020-2021 trên 98%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trên 98%, tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 3%; tỷ lệ học sinh được xếp loại học lực từ trung bình trở lên trên 95%; xếp loại hạnh kiểm tốt, khá 99%. Các cơ sở giáo dục trong những năm qua đã vận dụng nhiều giải pháp tích cực qua việc thực hiện Đề án, dự án và chương trình đổi mới giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được triển khai nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Các đơn vị thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai CTGDPT 2018, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn của tỉnh.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Trong những năm qua, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự nỗ lực, quyết tâm của toàn Ngành Giáo dục tỉnh, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh được quan tâm hơn; ngân sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo luôn được đảm bảo theo quy định; chủ trương xã hội hóa giáo dục được nhân dân đồng thuận, ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đóng góp, ủng hộ, đầu tư vào lĩnh vực giáo dục-đào tạo; hầu hết các huyện, thành phố đều có trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học; trường, lớp ngày càng khang trang hơn; điều kiện dạy và học ngày càng được được bổ sung, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Qua 5 năm thực hiện Đề án, chất lượng giáo dục toàn diện của các trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, trường chuyên biệt nói riêng và của toàn tỉnh nói chung đã được nâng lên. Các chỉ tiêu về chất lượng giáo dục tăng hoặc giữ ổn định qua các năm học.

- Từng địa phương có kế hoạch đề ra các giải pháp thiết thực nhằm thực hiện đạt mục tiêu. Với sự chỉ đạo quyết liệt của cả hệ thống chính trị, số trường đạt chuẩn quốc gia tăng lên 118 trường, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh lên 290 trường đạt tỷ lệ 47% tăng 19%, so với năm 2015, trong đó có 09 trường đạt mức độ 2.

- Quá trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt đã và đang tạo ra động lực tích cực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, hoạt động giảng dạy trong nhà trường và huy động nguồn lực của toàn xã hội qua công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nhất là trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt nằm trong Tốp 100 trường có tỷ lệ đỗ đại học, cao đẳng cao nhất

cả nước. Chất lượng dạy và học của các trường phổ thông dân tộc nội trú đã có những chuyển biến theo hướng tích cực. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT nhiều năm liền luôn đạt 100%; tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 1%; xếp loại học lực từ trung bình trở lên trên 95%; xếp loại hạnh kiểm tốt, khá 99%, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho đồng bào thiểu số.

2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn có những hạn chế sau:

- Nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định, nhiều trường đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (theo qui định trước đây, yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia có mức độ yêu cầu thấp hơn) không thể công nhận lại theo qui định mới.

- Chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia chưa đạt theo mục tiêu Đề án đã đề ra. Hiện nay có nhiều đơn vị thiếu diện tích đất; sĩ số học sinh/lớp vượt quy định, thiếu lớp học 2 buổi/ ngày; tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đạt, thiếu một số vị trí việc làm.

- Đến thời điểm hiện tại, Ngành Giáo dục chưa có tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành của trường trọng điểm, dẫn đến các địa phương gặp khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

- Việc phối, kết hợp với các ban ngành liên quan từng lúc, từng nơi chưa đồng bộ, cấp ủy, chính quyền địa phương một số nơi thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành. Chưa xây dựng quy chế phối hợp thực hiện giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với UBND cấp huyện trong thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển giáo dục theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

3. Nguyên nhân hạn chế

- Một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục chưa chủ động làm tốt vai trò tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án; xây dựng kế hoạch, lộ trình chưa phù hợp, cụ thể, thiếu tính thực tế, dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra.

- Do không có nguồn kinh phí riêng để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Đề án, chủ yếu thực hiện lồng ghép từ nguồn kinh phí cấp cho hoạt động giáo dục thường xuyên hàng năm của đơn vị nên Ngành Giáo dục bị động và gặp khó khăn trong thực hiện mục tiêu Đề án.

- Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo thay đổi Thông tư quy định tiêu chuẩn công nhận trường đạt chuẩn quốc gia với yêu cầu cao hơn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đã làm các trường đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trước đây không còn đủ điều kiện công nhận lại, cũng như việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia cũng gặp nhiều khó khăn hơn.

- Trình độ năng lực một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa đáp ứng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, một bộ phận tư tưởng chấp nhận hiện

trạng, thiếu quyết tâm, ngại tiếp cận cái mới để tạo sự đột phá nâng cao chất lượng giáo dục từng địa phương, thực hiện đánh giá đạt chuẩn quốc gia của đơn vị.

4. Bài học kinh nghiệm

- Ngành GDĐT phải phối hợp thường xuyên với UBND cấp huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, trong đó phối hợp thực hiện các chỉ tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia là nhiệm vụ trọng tâm, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Ngoài ra, giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp huyện phối hợp để tìm ra giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, thiếu biên chế như hiện nay.

- Quá trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cần có sự đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, diện tích đất, trang thiết bị dạy học và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên..., đề xuất giải pháp hữu hiệu để tháo gỡ nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu đề án và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trong thời gian qua.

- Chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo là mục tiêu phấn đấu thường xuyên, liên tục, mọi sự đầu tư về tinh thần, vật chất và nhân lực cuối cùng phải đạt đến chất lượng và hiệu quả.

- Trong quá trình thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cần làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức từ cán bộ đảng viên đến các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân về giáo dục và đào tạo, qua đó huy động các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia.

- Quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về đạo đức, phẩm chất Nhà giáo, về nghiệp vụ sư phạm, đổi mới phương pháp dạy học... là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng dạy học và hiệu quả giáo dục và đào tạo của nhà trường, tạo được khối đoàn kết tập thể, phát huy nội lực, tinh thần tự giác thi đua, lao động, học tập vươn lên theo mục tiêu giáo dục của nhà trường trong các năm học.

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gắn với các phong trào: Xây dựng xã nông thôn mới; trường xanh, sạch, đẹp và an toàn; Trường học thân thiện, học sinh tích cực... thành lập; kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua ở mỗi đơn vị, để tổ chức và theo dõi đánh giá kết quả thực hiện hằng năm.

Phần II **XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA,** **TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM VÀ TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT** **GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Trên cơ sở kết quả thực hiện Đề án “Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020”. Ủy ban nhân tỉnh đề ra giải pháp thực hiện cho giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN TRƯỜNG LỚP

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ trương của tỉnh về phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhất là xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt giai đoạn 2021-2025. Hiện nay tổng số trường đạt chuẩn là 290, trong giai đoạn tới xây dựng thêm 89 trường, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia của toàn tỉnh là 379 trường, đạt tỷ lệ 61,73%, so với tổng số trường. Tại mỗi huyện/thành phố chọn 01 trường xây dựng trường trọng điểm; tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng toàn diện các trường chuyên biệt.

Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt là yếu tố quan trọng đem lại diện mạo mới cho mạng lưới trường lớp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả số lượng, chất lượng giáo dục toàn diện, mang lại lợi ích thiết thực cho học sinh và nhân dân thúc đẩy sự nghiệp giáo dục và đào tạo Kiên Giang phát triển toàn diện.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ Tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Nghị quyết số 44/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành kế hoạch hành động của Ngành; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 15/4/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 07/5/2021; Kế hoạch số 73/KH-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành và cụ thể hóa chủ trương thực hiện “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư

số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

III. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đưa sự nghiệp giáo dục Kiên Giang đạt tốp đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tốp khá so với toàn quốc, tạo nền tảng cơ bản, bền vững cho hoàn thành mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

+ Đối với giáo dục mầm non: công nhận mới 14 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia đến 2025 là 77 trường đạt 55%; công nhận lại 59 trường;

+ Tiểu học: công nhận mới 30 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia lên 165 trường, đạt 62.98%; công nhận lại 85 trường;

+ Tiểu học và trung học cơ sở: công nhận mới 11 trường, nâng tổng số trường Tiểu học - trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia lên 15 trường, đạt 24,59%;

+ Trung học cơ sở: công nhận mới 19 trường, nâng tổng số trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia lên 92 trường, đạt 88,46%; công nhận lại 12 trường;

+ Trung học cơ sở và Trung học phổ thông: công nhận mới 08 trường, nâng tổng số trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia lên 14 trường, đạt 50%;

+ Trung học phổ thông: công nhận mới 07 trường, nâng tổng số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia lên 16 trường, đạt 72,73%; công nhận lại 04 trường.

- Mục tiêu xây dựng trường trọng điểm

+ Cấp tiểu học: Có 07 trường, chiếm tỷ lệ 5,19 %, so với tổng số trường.

+ Cấp THCS: Có 06 trường, chiếm tỷ lệ 8,22 %, so với tổng số trường.

+ Cấp THPT: Có 02 trường, chiếm tỷ lệ 22,22 %, so với tổng số trường.

- Mục tiêu xây dựng trường chuyên biệt

Tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường các trang thiết bị dạy học cho 03 trường phổ thông DTNT-THCS, đảm bảo các điều kiện phấn đấu đến năm 2025 có 100% trường chuyên biệt, đạt chuẩn quốc gia.

- Mục tiêu cụ thể xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; trường trọng điểm; trường chuyên biệt (*Theo phụ lục 02 đính kèm*).

- Lộ trình thực hiện các mục tiêu của Đề án (*Theo phụ lục 03 đính kèm*).

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý của các cấp, ngành và địa phương

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt giai đoạn 2021-2025; ban hành kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt; phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên của Ban Chỉ đạo các cấp.

- Các cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chỉ tiêu, Đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể để hoàn thành mục tiêu được giao. Ban hành cơ chế hỗ trợ việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị tạo nguồn lực thực hiện kế hoạch, nhất là những địa phương thuộc vùng kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn. Phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các tổ chức, các bộ, ngành Trung ương; vận động nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà tài trợ ủng hộ nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt.

- Các cơ sở giáo dục rà soát đối chiếu với tiêu chuẩn đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt trường chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cá nhân, tập thể; có các giải pháp nhằm đạt kiểm định chất lượng giáo dục ở các mức độ; củng cố và nâng cao chất lượng của từng tiêu chí theo kế hoạch xây dựng đã phê duyệt. Tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương khi thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

- Chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức về chủ trương, kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đến các cấp, các ngành và nhân dân, nhằm tạo sự đồng thuận của toàn xã hội cùng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học; xác định xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; trường trọng điểm và trường chuyên biệt vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển giáo dục đào tạo; là điều kiện tiên quyết để cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu dạy và học ngày càng cao, thực hiện thắng lợi các mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay; là một trong những nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo, đài trung ương, địa phương tuyên truyền về Đề án trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài chính, tài sản, quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

2.3. Tăng cường công tác xây dựng chất lượng đội ngũ Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

- Hàng năm, tuyển dụng, luân chuyển giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đạt chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng nhu cầu chất lượng đội ngũ Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Sắp xếp, bố trí giáo viên, nhân viên hợp lý, hạn chế tình trạng thừa, thiếu cục bộ. Đảm bảo hiệu quả công tác triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả “Đề án xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2025”. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị nhà trường, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cán bộ quản lý.

- Quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định về nêu gương, về lễ lối làm việc và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, Ngành; chú trọng giữ gìn phẩm chất đạo đức Nhà giáo.

2.4. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học

- Từng địa phương bố trí đủ diện tích đất để đảm bảo theo quy định, đáp ứng nhu cầu hiện tại và tăng quy mô học sinh đến năm 2025. Có kế hoạch bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm để mở rộng diện tích đất đảm bảo đủ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Phối hợp chặt chẽ các cơ quan ban ngành, tiếp tục rà soát và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các sở giáo dục trên địa bàn.

- Tăng cường đầu tư xây dựng phòng học, phòng bộ môn, phòng thực hành thí nghiệm, thư viện, khu nội trú, hàng rào, nâng cấp sân trường, xây dựng các phòng chức năng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin gắn với lộ trình chuyển đổi số của Ngành. Quan tâm đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các xã có kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại đáp ứng các hoạt động giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Ưu tiên phân bổ kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của nhà trường trong công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ cho sự phát triển giáo dục.

- Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo nguyên tắc, linh hoạt, hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục ở địa phương nhằm tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2.5. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

- Tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội, khuyến khích các nhà doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở trường tư thục ở các cấp học, nhằm làm giảm áp lực cho hệ thống trường công lập, nhất là giải quyết được vấn đề quy mô học sinh, đảm bảo chỉ số quy mô học sinh/lớp theo qui định trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, trường chuyên biệt; đồng thời tạo động lực để nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Tích cực vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và nhân dân ủng hộ vật chất xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt. Tăng cường hoạt động của Hội khuyến học, các đoàn thể... trong và ngoài nhà trường trong các hoạt động giáo dục nhằm tạo thêm nguồn lực phát triển giáo dục.

- Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; tăng cường trách nhiệm của gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh thực hiện kỷ cương, nề nếp của nhà trường; phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục toàn diện cho học sinh; ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh; hỗ trợ Ban đại diện cha mẹ học sinh trong tổ chức và hoạt động theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa Giáo dục trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt theo hướng

dẫn tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2.6. Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục

- Tổ chức dạy đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Thực hiện các biện pháp phù hợp để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cơ sở giáo dục. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; đa dạng các hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và tự học của học sinh; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp, thực hiện tốt công tác phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT; học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Động viên, khuyến khích, tạo điều kiện và môi trường cho giáo viên, học sinh tham gia các hội thi, phong trào thi đua trong năm học do các cấp các ngành tổ chức.

- Xây dựng học liệu số Ngành Giáo dục và Đào tạo (thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng, ...) đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập; nghiên cứu, tham khảo của học sinh ở các cấp học, môn học; hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy và học.

- Cụ thể nhiệm vụ, giải pháp của từng cấp học như sau:

2.6.1. Đối với giáo dục mầm non

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đảm bảo phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Cùng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng trường, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

- Triển khai thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện tuyển dụng giáo viên, nhân viên theo số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện bố trí, sử dụng giáo viên, nhân viên phù hợp định mức theo quy định.

- Rà soát quy hoạch, sắp xếp bố trí quy mô trường lớp; ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị; Tăng cường đầu tư xây dựng khối phòng phục vụ học tập; Phòng giáo dục thể chất; phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng; khối phòng hành chính quản trị.... theo tiêu

chí, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục toàn diện cho học sinh; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 633/KH-SGDĐT chuyên đề “ Phòng chống bạo hành trong cơ sở giáo dục mầm non”.

- Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của Bộ; chú trọng đổi mới phương pháp và tìm hiểu và áp dụng hiệu quả các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các đơn vị trong nước, trong khu vực và quốc tế phù hợp với thực tiễn để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ. Hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở vùng đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật; tiếp tục thực hiện Quyết định số 1132/QĐ-UBND về phê duyệt Kế hoạch triển khai Chương trình làm quen Tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non và Tin học ở những nơi có điều kiện.

2.6.2. Đối với giáo dục Tiểu học

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh có hiệu quả theo mục tiêu Chương trình GDPT 2018. Tổ chức tốt công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu các môn học, phát huy tối đa nguồn lực cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học nhằm hỗ trợ cho triển khai đổi mới chương trình và sách giáo khoa theo lộ trình Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội góp phần nâng cao chất lượng các mục tiêu giáo dục tiểu học giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng các mô hình và giải pháp chất lượng giáo dục, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua dạy và học tạo được sự lan toả và niềm tin đối với cộng đồng địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các thiết bị thông minh trong các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; tạo điều kiện để học sinh được trải nghiệm thực tế ở nhiều môn học.

2.6.3. Đối với giáo dục trung học

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018), tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Tăng cường giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trung học xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Các cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và

Đào tạo trong đó bảo đảm yêu cầu thực hiện các nội dung cốt lõi, làm cơ sở để chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện các nội dung phù hợp với tình hình tại địa phương. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học; tăng cường sử dụng các mô hình học kết hợp giữa lớp học truyền thống với các lớp học trực tuyến. Xây dựng và sử dụng hiệu quả nguồn học liệu số.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục; đặc biệt chú trọng nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông, xét tốt nghiệp THCS; tổ chức cuộc thi và lựa chọn học sinh tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật, thi học sinh giỏi các cấp, hội thao đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn.

2.7. Nguồn lực đầu tư

2.7.1. Qui mô đầu tư

Tập trung đầu tư để công nhận 89 trường đạt chuẩn quốc gia; 15 trường trọng điểm; tiếp tục xây dựng 03 trường chuyên biệt đạt chuẩn quốc gia đồng thời rà soát, đầu tư, nâng cấp 07 trường chuyên biệt. Qui mô đầu tư gồm: Diện tích mở rộng 80.600m² đất; xây mới 546 phòng học, 283 phòng bộ môn, 228 phòng làm việc, 59 phòng họp - hội trường, 17.532,40m hàng rào, 94.345,70 m² sân chơi; tu sửa 640 phòng học; xây 298 nhà vệ sinh, 80 lò đốt rác, 87 công trình thoát nước và công trình nước sạch.

2.7.2. Nhu cầu và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

Tổng kinh phí thực hiện là 5.625.963 triệu đồng, được lồng ghép vào các nguồn vốn khác và nguồn chi thường xuyên chi cho đổi mới giáo dục phổ thông mới gồm các nguồn vốn như sau:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương bao gồm:

- + Đề án Kiên cố hóa trường, lớp: 74.000 triệu đồng, chiếm 1,32% tổng kinh phí kế hoạch.

+ Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 86.000 triệu đồng (đầu tư xây dựng bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, thư viện), chiếm 1,53% tổng kinh phí kế hoạch.

+ Nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối từ nguồn vốn sự nghiệp giáo dục: 52.000 triệu đồng (mua sắm thiết bị dạy học), chiếm 0,92% tổng kinh phí kế hoạch.

- Ngân sách địa phương chi đầu tư phát triển cho giáo dục theo Luật Đầu tư công giai đoạn 2021-2025: 2.749.609 triệu đồng, chiếm 48,87% tổng kinh phí kế hoạch.

- Nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục bổ sung mua sắm thiết bị dạy học theo phân cấp: 1.444.142 triệu đồng, chiếm 25,67% tổng kinh phí kế hoạch (mua sắm bổ sung thiết bị dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới).

- Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác: 1.220.212 triệu đồng, chiếm 21,69% tổng kinh phí kế hoạch.

- Ưu tiên ngân sách địa phương để bổ sung kinh phí trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn, trường trọng điểm và trường chuyên biệt.

Số liệu cụ thể các nguồn lực đầu tư (*thực hiện theo phụ lục 04 đính kèm*)

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Xây dựng dự thảo, tổ chức lấy ý kiến góp ý dự thảo Đề án hoàn thành trong tháng 11/2021.

- Hoàn thiện Đề án, trình UBND tỉnh ban hành cuối Quý IV/2021.

- Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm; điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, giải pháp thực hiện (nếu có) trong triển khai, thực hiện Đề án Quý III/2023.

- Tổng kết, đánh giá quá trình triển khai, thực hiện Đề án, giai đoạn 2021-2025 Quý III/2025.

Trong quá trình triển khai, thực hiện, Đề án có thể xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với sự chỉ đạo của Trung ương, địa phương và tình hình thực tế của Ngành.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Sở Giáo dục và Đào tạo



- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng mục tiêu, lộ trình đề ra.

- Căn cứ lộ trình thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 -2025 phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan dự kiến nhu cầu sử dụng đất để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp thẩm quyền xem xét, bố trí nhu cầu sử dụng đất dành cho lĩnh vực giáo dục đào tạo trong kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng việc thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Chỉ đạo, giám sát các cơ sở giáo dục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và duy trì kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh theo quy định. Hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện; năm 2023 tổ chức sơ kết; năm 2025 tổ chức tổng kết về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định để thực hiện Đề án.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan trong khả năng cân đối nguồn ngân sách hằng năm.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định.

5. Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất cấp có thẩm quyền phân bổ chỉ tiêu biên chế đảm bảo về số lượng giáo viên đúng lớp tương ứng với quy mô phát triển trường lớp trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn, trường trọng điểm và trường chuyên biệt.

6. Sở Xây dựng

Thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng và chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học; rà soát, cập nhật quy hoạch xây dựng đối với các công trình giáo dục và đào tạo theo quy định.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hàng năm tham mưu với UBND tỉnh bố trí kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, lồng ghép với các chương trình dự án khác để tổ chức thực hiện Đề án.

8. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính hàng năm tham mưu với UBND tỉnh bố trí kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tổ chức thực hiện Đề án.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt, giám sát việc triển khai Đề án; vận động các tổ chức, cá nhân quan tâm ủng hộ vật chất, tinh thần, chăm lo củng cố, phát triển hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh.

10. Hội Khuyến học tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền đến tổ chức Hội, hội viên về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo, phần thưởng cho học sinh giỏi có thành tích cao trong học tập và rèn luyện; góp phần củng cố, phát triển hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; thành lập Ban chỉ đạo đảm bảo có sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; hoàn thành mục tiêu của tỉnh đã đề ra. Chỉ đạo Ngành Giáo dục và Đào tạo địa phương chọn cơ sở giáo dục thực hiện xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm đảm bảo đạt mục tiêu của Đề án.

- Xem xét bố trí quỹ đất để xây dựng các công trình giáo dục và đào tạo và cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện đến năm 2030 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong thực hiện mục tiêu phát triển Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chủ động cân đối từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn hợp pháp khác để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng theo yêu cầu của trường đạt chuẩn; triển khai có hiệu quả công tác xã hội hoá giáo dục, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các lực lượng xã hội tham gia đóng góp xây dựng trường đạt chuẩn.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/12 hằng năm để tổng hợp báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Báo Kiên Giang; Đài Phát thanh-Truyền hình Kiên Giang.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nội dung, tiêu chuẩn và kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia. Nêu gương người tốt việc tốt, các đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kiên Giang, Đài PTTH tỉnh;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, ckbich (2b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lưu Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
Phụ lục 01
KẾT QUẢ XÂY DỰNG TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM

STT	ĐƠN VỊ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Phụ ghi
I. TRƯỜNG TIỂU HỌC			2	6	10	8	26
1	Phòng GDĐT Rạch Giá			1	1		
2	Phòng GDĐT Châu Thành				1		
3	Phòng GDĐT Tân Hiệp			1			
4	Phòng GDĐT Giồng Riềng			1	1	1	
5	Phòng GDĐT Gò Quao						
6	Phòng GDĐT An Biên		2	2	2	2	
7	Phòng GDĐT An Minh				1		
8	Phòng GDĐT U Minh Thượng					1	
9	Phòng GDĐT Vĩnh Thuận				1		
10	Phòng GDĐT Hòn Đất					1	
11	Phòng GDĐT Kiên Lương					1	
12	Phòng GDĐT Hà Tiên				1		
13	Phòng GDĐT Hiang Thành					1	
14	Phòng GDĐT Kiên Hải			1			
15	Phòng GDĐT Phú Quốc				2	1	
II. TRƯỜNG THCS			2	3	9	8	22
1	Phòng GDĐT Rạch Giá		1		1	2	
2	Phòng GDĐT Châu Thành					1	
3	Phòng GDĐT Tân Hiệp			1	1		
4	Phòng GDĐT Giồng Riềng				1	1	



STT	ĐƠN VỊ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Phụ ghi
5	Phòng GDĐT Gò Quao			1			
6	Phòng GDĐT An Biên		1	1	1		
7	Phòng GDĐT An Minh				1		
8	Phòng GDĐT U Minh Thượng						
9	Phòng GDĐT Vĩnh Thuận				1		
10	Phòng GDĐT Hòn Đất				1		
11	Phòng GDĐT Kiên Lương					1	
12	Phòng GDĐT Hà Tiên					1	
13	Phòng GDĐT Hiang Thành				1		
14	Phòng GDĐT Kiên Hải				1		
15	Phòng GDĐT Phú Quốc					2	
III. TRƯỜNG THPT		2	3	3	3	6	17
1	THPT Nguyễn Trung Trực	1					
2	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	1					
3	THPT Hòn Đất		1				
4	THPT Nguyễn Hùng Sơn		1				
5	THPT Nguyễn Thản Hiến		1				
6	THPT Tân Hiệp			1			
7	THPT Giồng Riềng			1			
8	THPT Kiên Lương			1			
9	THPT Thạnh Đông				1		
10	THPT Vĩnh Thuận				1		
11	THPT An Biên				1		

STT	ĐƠN VỊ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Phụ ghi
12	THPT Châu Thành					1	
13	THPT An Minh					1	
14	THPT Gò Quao					1	
15	THPT Võ Văn Kiệt					1	
16	THPT Phú Quốc					1	
17	THPT U Minh Thượng					1	
Tổng số		2	7	12	22	22	65

KẾT QUẢ XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

STT	ĐƠN VỊ	Đạt chuẩn	Ghi chú
1	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	2013	
2	THPT DTNT Tỉnh	2010	
3	THCS DTNT Châu Thành	2009	
4	THCS DTNT Giồng Riềng	2008	
5	THCS DTNT Gò Quao		
6	THCS DTNT Hà Tiên		
7	THCS DTNT An Biên		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 01

KẾT QUẢ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

TT	Huyện, thành phố	Thời điểm cuối 2015			Kết quả thực hiện Đề án đến cuối năm 2020																				
		Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Tổng số trường	Đã đạt chuẩn QG		Chia ra																	
								Mầm non			Tiểu học			TH+THCS			THCS			THCS+THPT			THPT		
						Số trường	Tỷ lệ đạt	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Cộng	651	172	26,42	619	290	46,85	140	63	45,00	262	135	51,53	59	4	6,78	108	73	67,59	28	6	21,43	22	9	40,91
1	Rạch Giá	57	16	28,07	57	28	49,12	13	8	61,54	25	11	44,00	2			11	6	54,55	1			5	3	60,00
2	Châu Thành	51	17	33,33	51	30	58,82	10	6	60,00	28	15	53,57	0			11	8	72,73	1	1	100,00	1		
3	Tân Hiệp	61	8	13,11	55	19	34,55	12	2	16,67	18	6	33,33	12	2	16,67	9	8	88,89	1			3	1	33,33
4	Giồng Riềng	90	31	34,44	80	48	60,00	19	3	15,79	36	23	63,89	6			13	16	123,08	5	5	100,00	1	1	100,00
5	Gò Quao	51	15	29,41	47	29	61,70	11	9	81,82	23	16	69,57				8	4	50,00	4			1		
6	An Biên	46	12	26,09	46	27	58,70	9	7	77,78	25	14	56,00	0			9	6	66,67	2			1		
7	An Minh	54	6	11,11	50	8	16,00	11	2	18,18	25	6	24,00	1			10			2			1		
8	UM Thượng	36	10	27,78	34	14	41,18	8	3	37,50	13	8	61,54	5			5	3	60,00	3					
9	Vĩnh Thuận	36	18	50,00	33	21	63,64	8	7	87,50	12	9	75,00	7			3	4	133,33	2			1	1	100,00
10	Hòn Đất	65	18	27,69	63	30	47,62	14	9	64,29	26	12	46,15	6			11	8	72,73	4			2	1	50,00
11	Kiên Lương	26	10	38,46	24	11	45,83	7	3	42,86	6	4	66,67	5			4	3	75,00	1			1	1	100,00
12	Giang Thành	16	4	25,00	16	8	50,00	5			5	3	60,00	2	2	100,00	3	3	100,00	0			1		
13	Hà Tiên	20	4	20,00	20	12	60,00	4	2	50,00	6	5	83,33	3			6	4	66,67	0			1	1	100,00
14	Phú Quốc	32	3	9,38	35	4	11,43	8	2	25,00	11	2	18,18	9			4			0			3		
15	Kiên Hải	10		0,00	8	1	12,50	1		0,00	3	1	33,33	1			1			2					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Đơn vị	MẦM NON			TIỂU HỌC			TIỂU HỌC- THCS			THCS			THCS-THPT			THPT			TỔNG CÁC BẬC HỌC		
		Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CQG đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CQG đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CQG đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CQG đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CQG đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CQG đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CQG đến 2025
1	Rạch Giá	8	1	9	11		11				6	3	9				3	2	5	28	6	34
2	Châu Thành	6	1	7	15	2	17				8		8	1		1		1	1	30	4	34
3	Tân Hiệp	2	1	3	6	2	8	2	2	4	8		8		1	1	1		1	19	6	25
4	Giồng Riềng	3	1	4	23	5	28		1	1	16	1	17	5		5	1		1	48	8	56
5	Gò Quao	9	1	10	16	3	19				4	2	6					1	1	29	7	36
6	An Biên	7	1	8	14	4	18				6	4	10		1	1		1	1	27	11	38
7	An Minh	2	1	3	6	2	8					3	3		1	1		1	1	8	8	16
8	UM Thượng	3	1	4	8	2	10		2	2	3		3		1	1				14	6	20
9	Vĩnh Thuận	7	1	8	9	1	10		2	2	4		4				1		1	21	4	25
10	Hòn Đất	9	1	10	12	3	15		1	1	8	1	9		2	2	1		1	30	8	38
11	Kiên Lương	3	1	4	4	2	6		1	1	3	1	4		1	1	1		1	11	6	17
12	Giang Thành	0	0	0	3	1	4	2		2	3	1	4						0	8	2	10
13	Hà Tiên	2	1	3	5	0	5		1	1	4	1	5				1		1	12	3	15
14	Phú Quốc	2	1	3	2	3	5		1	1		1	1					1	1	4	7	11
15	Kiên Hải	0	1	1	1		1					1	1		1	1			0	1	3	4
Cộng toàn tỉnh		63	14	77	135	30	165	4	11	15	73	19	92	6	8	14	9	7	16	290	89	379

TỶ LỆ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Tiến độ xây dựng trường CQG và tỷ lệ % trường đạt CQG giai đoạn 2021 - 2025		Đến 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Kế hoạch xây dựng trường CQG đến năm	290	295	314	340	363	379
2	Tỷ lệ trường CQG đạt được	46,85	47,81	50,89	55,11	58,83	61,43
3	- Tỷ lệ trường Mầm non đạt CQG	45,00	46,43	48,57	50,71	52,86	55,00
4	- Tỷ lệ trường Phổ thông đạt CQG	47,39	48,22	51,15	55,56	59,54	59,54
5	Trong đó: - Trường tiểu học	51,53	51,91	54,58	58,02	60,69	62,98
	- Trường Tiểu học-THCS	6,78	6,56	9,84	14,75	21,31	24,59
6	- Trường trung học cơ sở	67,59	72,12	75,00	76,92	80,77	88,46
	- Trường THCS-THPT	21,43	21,43	25,00	32,14	42,86	50,00
7	- Trường trung học phổ thông	40,91	40,91	45,45	68,18	72,73	72,73

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH CÔNG NHẬN LẠI TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Đơn vị	MẦM NON			TIỂU HỌC			TIỂU HỌC- THCS			THCS			THCS-THPT			THPT			TỔNG CÁC BẬC HỌC		
		Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CNL đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CNL đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CNL đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CNL đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CNL đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CNL đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt CNL đến 2025
1	Rạch Giá	8	8	8	11	4	4				6	1	1				3	3	3	28	16	16
2	Châu Thành	6	4	4	15	4	4				8	1	1	1						30	9	9
3	Tân Hiệp	2	1	1	6	3	3	2			8	1	1				1			19	5	5
4	Giồng Riềng	3	3	3	23	9	9				16	1	1	5			1	1	1	48	14	14
5	Gò Quao	9	9	9	16	14	14				4	1	1							29	24	24
6	An Biên	7	7	7	14	9	9				6	1	1							27	17	17
7	An Minh	2	2	2	6	7	7						0							8	9	9
8	UM Thượng	3	3	3	8	5	5				3	1	1							14	9	9
9	Vinh Thuận	7	7	7	9	6	6				4	1	1				1			21	14	14
10	Hòn Đất	9	9	9	12	10	10				8	1	1				1			30	20	20
11	Kiên Lương	3	2	2	4	4	4				3	1	1				1			11	7	7
12	Giang Thành	0		0	3	4	4	2			3	1	1							8	5	5
13	Hà Tiên	2	2	2	5	5	5				4	1	1				1			12	8	8
14	Phủ Quốc	2	2	2	2		0						0							4	2	2
15	Kiên Hải	0		0	1	1	1						0							1	1	1
Tổng toàn tỉnh		63	59	59	135	85	85	4			73	12	12	6			9	4	4	290	160	160

TỶ LỆ CÔNG NHẬN LẠI TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Tiến độ xây dựng công nhận lại trường CQG và tỷ lệ % trường đạt CQG giai đoạn 2021 - 2025		Đến 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Kế hoạch xây dựng công nhận lại trường CQG đến năm 2025	290	24	45	33	26	32
2	Tỷ lệ trường CQG được công nhận lại	55,17	8,28	45,08	35,17	44,14	55,17
3	- Tỷ lệ trường Mầm non công nhận lại đạt CQG	20,34	4,48	9,31	12,76	16,55	20,34
4	- Tỷ lệ trường Phổ thông công nhận lại đạt CQG	34,83	3,79	14,48	22,41	27,59	34,83
5	Trong đó: - Trường tiểu học	29,31	3,45	12,41	18,97	25,19	83,97
	- Trường Tiểu học-THCS	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6	- Trường trung học cơ sở	4,14	0,34	1,38	3,45	3,45	4,14
	- Trường THCS-THPT	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
7	- Trường trung học phổ thông	1,38	0,00	0,69	13,64	13,64	1,03

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Đơn vị	MẦM NON			TIỂU HỌC			TIỂU HỌC- THCS			THCS			THCS-THPT			THPT			TỔNG CÁC BẬC HỌC		
		Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt TTB đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt TTB đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt TTB đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt TTB đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt TTB đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt TTB đến 2025	Đã đạt đến 2020	KH XD 2021- 2025	Kế hoạch đạt TTB đến 2025
1	Rạch Giá					1	1					1	1					2	2		4	4
2	Châu Thành					1	1														1	1
3	Giồng Riềng					1	1					1	1								2	2
4	An Biên					1	1					1	1								2	2
5	Vĩnh Thuận											1	1								1	1
6	Hòn Đất											1	1								1	1
7	Kiên Lương					1	1					1	1								2	2
8	Hà Tiên					1	1														1	1
9	Phước Quốc					1	1														1	1
Cộng toàn tỉnh						7						6						2			15	15

TỶ LỆ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Tiến độ xây dựng trường trọng điểm và tỷ lệ % trường đạt trọng điểm giai đoạn 2021 - 2025		Đến 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Kế hoạch xây dựng trường trọng điểm đến năm 2025			1	4	5	5
2	Tỷ lệ trường trọng điểm đạt được			0,74	2,40	4,61	6,91
5	Trong đó: - Trường tiểu học			0,74	2,22	3,70	5,19
6	- Trường trung học cơ sở				2,74	5,48	8,22
7	- Trường trung học phổ thông					11,11	22,22

PHÂN KỲ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Đơn vị	Đã đạt đến 2020	Kế hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025																														
			Tổng số trường 2021-2025	Năm 2021					Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025									
				MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THPT	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THCS - THPT	THP T
1	Rạch Giá	28	6									1		1	1					1				1						1			
2	Châu Thành	30	3								1						1				1												
3	Tân Hiệp	19	6							1	1						1	1					1		1								
4	Giồng Riềng	48	9							1	1						1	1	1				1	1					2				
5	Gò Quao	29	7														1		2				1	1				1		1			
6	An Biên	27	11				2				2			1					1		1		1		1			1	1				
7	An Minh	8	9	2									1				1			1	1		1		2								
8	UM Thượng	14	6										1		1														1	1			
9	Vinh Thuận	21	3																											1			
10	Hòn Đất	30	7		1						1			1			1	1		1											1		
11	Kiên Lương	11	6							1							1							1		1			1		1		
12	Giang Thành	8	2														1								1								
13	Hà Tiên	12	3									1	1														1						
14	Phủ Quốc	4	8								1						1	1				1		1				1			1		
15	Kiên Hải	1	3																												1		
Cộng chung		290	89	2	1		2	0	0	3	7	2	3	3	1	3	9	3	4	2	5	3	7	4	6	2	1	3	6	2	4	1	0
Cộng từng năm			5					19					26					23					16										



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 03

PHÂN KỲ CÔNG NHẬN LẠI TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Đơn vị	Đã đạt đến 2020	Kế hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025																																			
			Tổng số trường 2021-2025	Năm 2021							Năm 2022							Năm 2023							Năm 2024							Năm 2025						
				MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THPT	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THCS - THPT	THP T					
1	Rạch Giá	28	17	3	1					2	2		1		2	1	1				1	2						1										
2	Châu Thành	30	5							1	1						1												1		1							
3	Tân Hiệp	19	4								1					2		1																				
4	Giồng Riềng	48	14	1	2		1			1	1					1					1	2				1		3										
5	Gò Quao	29	24							1	5					2	2				3	2		1			3	5										
6	An Biên	27	18	2	1						3				1	2		1			2	2				3	1											
7	An Minh	8	9	1							3															1	4											
8	UM Thượng	14	9	2						1	2						1					3																
9	Vĩnh Thuận	21	14		1					2	1		1			3	2				1						1	2										
10	Hòn Đất	30	20	1	2					3	3				2	1					2	1		1			1	3										
11	Kiên Lương	11	8	2						1	2		1			2																						
12	Giang Thành	8	5		1						1					1						1							1									
13	Hà Tiên	12	8		2					1	1				1	2							1															
14	Phù Quốc	4	2	1						1																												
15	Kiên Hải	1	3												2												1											
Cộng chung		290	160	13	10		1	0	0	14	26	0	3	0	2	10	19	0	3	0	1	11	11	0	3	0	1	11	19	0	2	0	0					
Cộng từng năm			24							45							33							26							32							



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 03

PHÂN KỲ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Đơn vị	Đã đạt đến 2020	Kế hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025																														
			Tổng số trường 2021-2025	Năm 2021						Năm 2022						Năm 2023						Năm 2024						Năm 2025					
				MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THPT	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THC S-THP T	THP T	MN	TH	TH-THC S	THC S	THCS - THPT	THP T
1	Rạch Giá		4													1		1							1							1	
2	Châu Thành		1																			1											
3	Giồng Riềng		2													1		1															
4	An Biên		2								1																				1		
5	Vĩnh Thuận		1																											1			
6	Hòn Đất		1																				1										
7	Kiên Lương		2																				1					1					
8	Hà Tiên		1																			1											
9	Phú Quốc		1																										1				
Cộng chung		0	15								1					2		2				2		2		1		2		2		1	
Cộng từng năm				0						1						4						5						5					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 03

PHÂN KỲ TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Đơn vị	Đã đạt đến 2020	Tổng số trường 2021-2025	Kế hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025		
				Năm 2023		Năm 2025
				PTDTNT THCS		PTDTNT THCS
1	Trường PTDTNT THCS Gò Quao					1
2	Trường PTDTNT THCS Hà Tiên					1
3	Trường PTDTNT THCS An Biên			1		
Cộng chung		4	3	1		1

**PHÂN KỲ VỐN ĐẦU TƯ TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA,
TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM VÀ TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Tổng	Chia ra theo năm				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	- Nguồn vốn ngân sách trung ương bao gồm	212.099					
	+ Đề án Kiên cố hóa trường, lớp	74.263	10.463	14.900	16.300	16.300	16.300
	+ Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:	86.077	12.177	17.200	18.900	18.900	18.900
	+ Nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối từ nguồn vốn sự nghiệp giáo dục	51.759	7.159	10.400	11.400	11.400	11.400
2	- Ngân sách địa phương chi đầu tư phát triển cho giáo dục theo Luật đầu tư công giai đoạn 2021-2025	2.749.408	384.808	577.400	632.400	577.400	577.400
3	- Nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục bổ sung mua sắm thiết bị dạy học theo phân cấp	1.444.185	202.185	317.700	303.300	317.700	303.300
4	- Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác	1.220.271	170.671	244.100	280.700	268.500	256.300
Tổng cộng (1+2+3)		5.625.963	787.463	1.181.700	1.263.000	1.210.200	1.183.600

KIÊN GIANG